TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST Ngày 18-3-2022 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dịu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát;

Bà Phan Thị Minh Phương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn Đ1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Khắc C, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 24 tháng 01 năm 2022 và các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Khắc C tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng vào ngày 05/9/2011

(Giấy chứng nhận kết hôn số 52). Quá trình chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhưng chị vẫn nhẫn nhịn để gia đình yên ấm, tuy nhiên đến đầu năm 2021 mâu thuẫn trở lên trầm trọng, do anh C ham chơi bài bạc, có lần mang tài sản của gia đình đi cầm cố, chị đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh không thay đổi mà còn đánh chửi chị. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở tại xã Đ, huyện K từ cuối năm 2021 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn anh C.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Khắc Tuấn M, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2012; Nguyễn Thị Ánh D, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2016 đang do anh C nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Khắc Tuấn M, đồng ý anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ánh D; tuy nhiên anh C có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, vì anh không muốn mỗi cháu ở một nơi, mặt khác hai cháu cũng có nguyện vọng ở cùng nhau và ở cùng anh C với sự giúp đỡ của bố mẹ đẻ anh C. Do đó chị đồng ý giao hai con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh C, mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10 tháng 02 năm 2022, anh Nguyễn Khắc C trình bày thống nhất với chị T về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng từ cuối năm 2021 do anh ham chơi bài bạc, chị T có biểu hiện không chung thủy, từ đó vợ chồng thường xuyên đánh cãi nhau, mặc dù đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ cuối tháng 11 năm 2021 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Tuy vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị T nên anh xin đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh chị có hai con chung như chị T đã trình bày, hiện nay anh đang nuôi dưỡng cả hai con. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng tha thiết được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, vì hiện nay anh làm nghề nhôm kính, thu nhập trung bình 15.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên toàn bộ nội dung yêu cầu nêu trên. Ngoài ra chị trình bày: Chị làm công nhân may mặc, thu nhập trung bình từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng nhưng thường xuyên chị phải đi sớm về tối, không có thời gian trực tiếp chăm sóc các con nên không đảm bảo cuộc sống cho các cháu.

Đối với anh C là người có sức khỏe bình thường, làm nghề tự do, có chỗ ở ổn định, bên cạnh đó còn có sự giúp đỡ của bố mẹ đẻ anh C, vì vậy việc chăm sóc các cháu sẽ tốt hơn; mặt khác các cháu đang được anh C và gia đình chăm sóc rất tốt. Do đó chị tự nguyện giao cả hai con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh C, mỗi con 1.000.000 đồng/1 tháng như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T; cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Khắc C.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khắc Tuấn M, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2012 và Nguyễn Thị Ánh D, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2016 cho anh Nguyễn Khắc C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh C mỗi cháu 1.000.000 đồng/1 tháng.

- Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị T xin ly hôn anh Nguyễn Khắc C và yêu cầu giải quyết nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện K. Anh C đang cư trú tại xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn: Anh Nguyễn Khắc C (là bị đơn) vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

- *Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T xin ly hôn anh Nguyễn Khắc C; căn cứ vào lời khai của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã N cung cấp thì hôn nhân của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Khắc C là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống, mâu thuẫn giữa anh chị xảy ra trầm trọng từ đầu năm 2021, do bất đồng quan điểm sống, anh C ham chơi bài bạc, vợ chồng không tin tưởng nhau trong tình cảm, từ đó thường xuyên đánh cãi chửi nhau, chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ cuối năm 2021 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Như vậy đủ cơ sở xác định hôn nhân của anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; yêu cầu xin ly hôn của chị T có cơ sở chấp nhận, nên xử cho chị T được ly hôn anh C là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh C.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị có hai con chung là Nguyễn Khắc Tuấn M, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2012 và Nguyễn Thị Ánh D, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2016 đang do anh C nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị T và anh C đều có nguyện vọng thống nhất anh C trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của các bên đương sự và trên cơ sở cung cấp thông tin của chính quyền xã N thì anh C làm nghề nhôm kính, thu nhập trung bình 15.000.000 đồng/1 tháng, có chỗ ở ổn định, từ khi chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở, anh C chăm sóc các cháu rất tốt, nguyện vọng của cháu M được ở với anh C; mặt khác, bố mẹ đẻ anh C đề nghị Tòa án giao hai cháu cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, vì hai cháu đang được anh C nuôi dưỡng với sự giúp đỡ của ông bà đảm bảo cuộc sống cho các cháu. Do đó cần giao cháu M, cháu D cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; tuy anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng nhưng chị T làm công nhân thu nhập trung bình mỗi tháng từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng và chị tự nguyện nhận cấp dưỡng nuôi con chung cho

anh C mỗi cháu 1.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, được chấp nhận.

[5] Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật không có giá ngạch.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Khắc C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khắc Tuấn M, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2012 và cháu Nguyễn Thị Ánh D, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2016 cho anh Nguyễn Khắc C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh C mỗi cháu 1.000.000đ (một triệu đồng)/1 tháng, tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Nguyễn Khắc C mà chị Nguyễn Thị T chưa thi hành số tiền cấp dưỡng nuôi con thì phải trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001646 ngày 27 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị T còn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Khắc C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Dịu